**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I(2023-2024)**

**MÔN: ĐỊA LÍ- Lớp 9**

**Thời gian: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TNKQ)/1(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| **1** | ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM | – Thành phần dân tộc  – Phân bố dân cư | 1 |  |  |  | 0,33  3,3% |
| – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính | 1 |  |  |  | 0,33  3,3% |
| – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn | 1 |  |  |  | 0,33% |
| **2** | **ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**  NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN  CÔNG NGHIỆP  DỊCH VỤ | – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu |  | 1(TNKQ) |  |  | 0,33  3.3% |
| – Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông  – Thương mại, du lịch |  | 1(TNKQ)  1(TNKQ) |  |  | 0,66  6,6% |
| **3** | **SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ** | VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ | 3 |  |  |  | 1  10% |
| VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG |  |  | 1aTL | 1bTL | 3  30% |
| VÙNG BẮC TRUNG BỘ | 3 | 1TL\* |  |  | 1  10% |
|  |  | VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ | 3 | 1TL\* |  |  | 3  30% |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng hợp chung** | | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | 100% |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I- NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN** **ĐỊA LÍ – KHỐI LỚP 9**  *Thời gian làm bài :* *45 Phút; (Đề có 17 câu)* | |
| *(Đề có 02 trang)* |
| Họ tên : ….......................................................Lớp : ……..SBD……… | | **Mã đề****: A** |
|  | | |

|  |  |
| --- | --- |
| ***ĐIỂM*** | ***LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN*** |
|  |  |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**: Chọn đáp án đúng và điền vào khung bài làm bên dưới.

**Câu 1:**Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số

A.85%                       B. 86%                           C.87%                            D.88%

**Câu 2:**Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là:

A. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.

C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng. D. Nâng cao chất lương cuộc sống.

**Câu 3:** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, sống thưa thớt ở:

A. Ven biển B. Miền núi C. Đồng bằng D. Đô thị

**Câu 4:**Sản lượng thủy sản nước ta tăng khá mạnh do:

A. Tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu. B. Tăng người lao động có tay nghề.

C. Tăng cường đánh bắt xa bờ D. Tăng số làng nghề làm tàu, thuyền và dựng cụ bắt cá.

**Câu 5:**Loại hình bưu chính viễn thông nào phát triển nhanh nhất hiện nay?

A. Điện thoại cố định B. Điện thoại di động C. Internet D. Truyền hình cáp

**Câu 6:**Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ:

A. Cố đô Huế, Hạ Long B. Phố cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn.

C. Phong Nha – Kẻ Bàng, di tích Mĩ Sơn. D. Cồng chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

**Câu 7:** Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình. B. chịu tác động rất lớn của biển.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ. D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

**Câu 8:**Về mùa đông khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:

A. Gió mùa, địa hình. B. Núi cao, nhiều sông.

C. Thảm thực vật, gió mùa. D. Vị trí ven biển và đất.

**Câu 9:**Tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có các đặc điểm: Vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp vịnh Bắc Bộ, vừa giáp vùng Đồng bằng sông Hồng ?

A. Bắc Kạn. B. Bắc Giang. C. Quảng Ninh. D. Lạng Sơn.

**Câu 10:**Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là:

A. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.

B. phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.

C. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.

D. nguồn lao động dồi dào tập trung ở các thành phố, thị xã.

**Câu 11:** Vùng đất cát pha duyên hải ở Bắc Trung Bộ thích hợp để trồng những loại cây nào sau đây:

A. cây lúa và hoa màu. B. cây lạc và vừng.

C. cây cao su và cà phê. D. cây thực phẩm và cây ăn quả.

**Câu 12:**Các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Trung Bộ là:

A. Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh B. Vinh, Đồng Hới, Đông Hà

C. Thanh Hóa, Vinh, Huế D. Bỉm Sơn, Cửa Lò, Đồng Hới

**Câu 13:**Khoáng sản chính của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

A. Sắt, đá vôi, cao lanh. B. Than nâu, mangan, thiếc.

C. Đồng, Apatít, vàng. D. Cát thủy tinh, ti tan, vàng.

**Câu 14:**Hoạt động kinh tế ở khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là:

A. chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp hằng năm và lâu năm

B. nuôi bò, nghề rừng, trồng cà phê.

C. công nghiệp, thương mại, thủy sản

D. trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giao thông.

**Câu 15:**Tại sao Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác thuỷ sản cao hơn Bắc Trung Bộ?

A. Có bờ biển dài hơn B. Nhiều tàu thuyền hơn

C. Nhiều ngư trường hơn D. Khí hậu thuận lợi hơn

**II.TỰ LUẬN(5điểm)**

**Câu16**:Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế?.(2điểm)

**Câu 17**(3điểm)Cho bảng số liệu sau:Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng và cả nước qua các năm1995,2000,2002

(Đơn vị:tạ/ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1995 | 2000 | 2002 |
| Cả Nước | 36,9 | 42,4 | 45,9 |
| Đồng bằng sông Hồng | 44,4 | 55,2 | 56,4 |

a)Vẽ biểu đồ thể hiện năng suất luá của cả nướcvà Đồng bằng sông Hồng qua các năm1995,2000,2002.

b)Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ em hãy nhận xét và giải thích.

**------ BÀI LÀM ------**

**I.PHẦN TRẮC NGHIÊM: (Mỗi ý đúng 0,33 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II.TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I- NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI LỚP 9**  *Thời gian làm bài : 45 Phút; (Đề có 17 câu)* | |
| *(Đề có 02 trang)* |
| Họ tên : ….......................................................Lớp : ……..SBD……… | | **Mã đề: B** |
| |  |  | | --- | --- | | ***ĐIỂM*** | ***LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN*** | |  |  | | | |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**: Chọn đáp án đúng và điền vào khung bài làm bên dưới.

**Câu 1:**Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ:

A. Cố đô Huế, Hạ Long B. Phố cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn.

C. Phong Nha – Kẻ Bàng, di tích Mĩ Sơn. D. Cồng chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

**Câu 2:** Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình. B. chịu tác động rất lớn của biển.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ. D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

**Câu 3:**Về mùa đông khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:

A. Gió mùa, địa hình. B. Núi cao, nhiều sông.

C. Thảm thực vật, gió mùa. D. Vị trí ven biển và đất.

**Câu 4:**Tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có các đặc điểm: Vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp vịnh Bắc Bộ, vừa giáp vùng Đồng bằng sông Hồng ?

A. Bắc Kạn. B. Bắc Giang. C. Quảng Ninh. D. Lạng Sơn.

**Câu 5:**Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là:

A. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.

B. phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.

C. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.

D. nguồn lao động dồi dào tập trung ở các thành phố, thị xã.

**Câu 6:**Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số

A.85%                       B. 86%                           C.87%                            D.88%

**Câu 7:**Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là:

A. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.

C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng. D. Nâng cao chất lương cuộc sống.

**Câu 8:** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, sống thưa thớt ở:

A. Ven biển B. Miền núi C. Đồng bằng D. Đô thị

**Câu 9:**Sản lượng thủy sản nước ta tăng khá mạnh do:

A. Tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu. B. Tăng người lao động có tay nghề.

C. Tăng cường đánh bắt xa bờ D. Tăng số làng nghề làm tàu, thuyền và dựng cụ bắt cá.

**Câu 10:**Loại hình bưu chính viễn thông nào phát triển nhanh nhất hiện nay?

A. Điện thoại cố định B. Điện thoại di động C. Internet D. Truyền hình cáp

**Câu 11:**Khoáng sản chính của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

A. Sắt, đá vôi, cao lanh. B. Than nâu, mangan, thiếc.

C. Đồng, Apatít, vàng. D. Cát thủy tinh, ti tan, vàng.

**Câu 12:**Hoạt động kinh tế ở khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là:

A. chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp hằng năm và lâu năm

B. nuôi bò, nghề rừng, trồng cà phê.

C. công nghiệp, thương mại, thủy sản

D. trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giao thông.

**Câu 13:**Tại sao Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác thuỷ sản cao hơn Bắc Trung Bộ?

A. Có bờ biển dài hơn B. Nhiều tàu thuyền hơn

C. Nhiều ngư trường hơn D. Khí hậu thuận lợi hơn

**Câu 14:** Vùng đất cát pha duyên hải ở Bắc Trung Bộ thích hợp để trồng những loại cây nào sau đây:

A. cây lúa và hoa màu. B. cây lạc và vừng.

C. cây cao su và cà phê. D. cây thực phẩm và cây ăn quả.

**Câu 15:**Các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Trung Bộ là:

A. Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh B. Vinh, Đồng Hới, Đông Hà

C. Thanh Hóa, Vinh, Huế D. Bỉm Sơn, Cửa Lò, Đồng Hới

**II.TỰ LUẬN(5điểm)**

**Câu16:**Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Bắc Trung Bộ có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế?.(2điểm)

**Câu 17**:Cho bảng số liệu sau:Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng và cả nước qua các năm1995,2000,2002

(Đơn vị:tạ/ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1995 | 2000 | 2002 |
| Cả Nước | 36,9 | 42,4 | 45,9 |
| Đồng bằng sông Hồng | 44,4 | 55,2 | 56,4 |

a)Vẽ biểu đồ thể hiện năng suất luá của cả nướcvà Đồng bằng sông Hồng qua các năm1995,2000,2002.

b)Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ em hãy nhận xét và giải thích.

**------ BÀI LÀM ------**

**I.PHẦN TRẮC NGHIÊM: (Mỗi ý đúng 0,33 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II.TỰ LUẬN**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I-NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ. KHỐI LỚP 9**

**I.Trắc nghiệm**: (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,33 điểm

ĐỀ A

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | B | A | B | A | B | B | A | A | C | B | B | C | D | C | C |

**II. Tự luận:** (5 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Đáp án | Biếu điểm |
| Câu 16  (2điểm) | \*Thuận lợi  - Thế mạnh về kinh tế biển:  + Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản…  + Nhiều bãi tắm đẹp-> Du lịch biển –đảo ….  + Nhiều vũng vịnh -> xây dựng các cảng nước sâu  - Nông nghiệp: trồng cây lương thực, cây CN… rừng có một số đặc sản quý; chăn nuôi gia súc( bò….  - Khoáng sản: vàng, ti tan, cát thủy tinh  \*Khó khăn  - Khí hậu khô hạn, nhiều thiên tai: hạn hán, bão, lũ lụt…  - Hiện tượng sa mạc hóa có xu hướng mở rộng. | 0,25  0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 17  (3điểm) | 1. Vẽ biểu đồ(2điểm)   -Vẽ cột: vẽ đúng số liệu  -Vẽ đủ các năm, khoảng cách chính xác.  -Ghi đơn vị của trục, các số liệu, tên biểu đồ.  b)\*nhận xét  -Năng suất lúa của cả nước và Đồng bằng sông Hồng đều tăng liên tục  -Năng suất lúa Đồng bằng sông Hồng luôn cao hơn cả nước  \*giải thích:  -Năng suất tăng là do áp dụng tiến bộkhoa học kỉ thuật vào trong sản xuất  -Năng suất lúa Đồng bằng sông Hồng cao là do vùng có trình độ thâm canh lúa gạo cao nhất nước ta. | 1  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**ĐỀ B**

**I.Trắc nghiệm**: (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,33 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | B | A | B | C | B | B | A | B | A | B | D | C | C | B | C |

**II. Tự luận:** (5 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Biếu điểm** |
| **Câu 16**  **(2điểm)** | **Thuận lợi(1,25điểm)**  - Rừng và khoáng sản phong phú à phát triển lâm nghiệp và khai thác khoáng sản.  - Địa hình nhiều gò đồi là điều kiện cho phát triển mô - hình nông lâm kết hợp, chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò).  - Tài nguyên biển đa dạng với nhiều bãi tôm, cá, các đảo nhỏ, đầm, phá, cửa sông ven biển và thuận lợi cho nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản nước lợ.  - Vùng có nhiều tài nguyên du lịch thiên nhiên như các hang động, bãi tắm đẹp, các vườn quốc gia,… (Động Phong Nha - Kẻ Bàng, động Thiên đường).  **Khó khăn(o,75điểm)**  - Khí hậu: thiên tai bão lũ thường xảy ra, gió phơn khô nóng gây hạn hán hàng năm và gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống dân cư.  - Nạn cát bay, cát chảy ven biển.  - Sông ngòi: phần lớn ngắn và dốc, thường có lũ vào mùa mưa. | 0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 17**  **(3điểm)** | 1. Vẽ biểu đồ(2điểm)   -Vẽ cột: vẽ đúng số liệu  -Vẽ đủ các năm, khoảng cách chính xác.  -Ghi đơn vị của trục, các số liệu, tên biểu đồ.  b)\*nhận xét  -Năng suất lúa của cả nước và Đồng bằng sông Hồng đều tăng liên tục  -Năng suất lúa Đồng bằng sông Hồng luôn cao hơn cả nước  \*giải thích:  -Năng suất tăng là do áp dụng tiến bộkhoa học kỉ thuật vào trong sản xuất  -Năng suất lúa Đồng bằng sông Hồng cao là do vùng có trình độ thâm canh lúa gạo cao nhất nước ta. | 1  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |